

**Tự do Tôn Giáo ở Việt Nam
Đánh giá để Đưa vào Danh Sách
các Quốc gia Đáng Tâm Đặc Biệt
10 năm sau khi Dỡ bỏ**

Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế Hoa Kỳ

Tự do Tôn Giáo ở Việt Nam: Đánh giá để Đưa vào Danh Sách các Quốc gia Đáng Tâm Đặc Biệt 10 năm sau khi Dỡ bỏ

Giới thiệu

Vào ngày 13 tháng 11, 2006, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ (Bộ Ngoại Giao) đã đưa Việt Nam ra khỏi danh sách “quốc gia đáng quan tâm đặc biệt” hay còn gọi là CPC, chỉ sau 26 tháng. Việc dỡ bỏ phân định này công nhận các hoạt động của chính phủ Việt Nam nhằm cải thiện tự do tôn giáo, cũng như tiến độ và phương pháp mà quốc gia này đã đạt được—hoạt động ngoại giao—vẫn còn đáng chú ý một thập kỷ sau đó.

Kỷ niệm 10 năm dỡ bỏ việc xếp Việt Nam vào CPC được chú trọng bởi Luật Tín Ngưỡng và Tôn Giáo của Hà Nội, được Quốc Hội đưa ra vào ngày 18 tháng 11, 2016. Phương sách này có ngôn ngữ tích cực, và chính phủ Việt Nam đã phổ biến luật này bằng văn bản trên toàn quốc. Luật mới sẽ: mở rộng tính chất hợp pháp của một số tổ chức tôn giáo; rút ngắn thời gian các tổ chức tôn giáo phải chờ đợi để đăng ký với chính phủ; khuyến khích mở các trường tôn giáo cũng như các cơ sở giáo dục của tôn giáo khác; và chính phủ từ chỗ chấp nhận đến thông báo, chẳng hạn, về các hoạt động của giáo sĩ hay một số hoạt động tôn giáo khác. Tuy nhiên, nhiều tổ chức tôn giáo và các nhà quan sát quốc tế nhận thấy là luật này có những khiếm khuyết cơ bản vì nó sẽ tăng cường việc chính phủ kiểm soát đời sống tôn giáo và khiến cho các hoạt động trở nên hoàn toàn “bất hợp pháp” trước pháp luật. Luật này cũng sẽ giới hạn tự do tôn giáo hay tín ngưỡng bằng những điều khoản về an ninh quốc gia có từ ngữ mơ hồ và được hiểu chung chung.

Điều trái ngược này nêu lên một số đặc điểm về tự do tôn giáo ở Việt Nam ngày nay: có một số tiến bộ khiêm tốn so với việc kiểm soát chặt chẽ của chính phủ. Chắc chắn là quyền tự do để bày tỏ niềm tin hay tín ngưỡng ở Việt Nam đã trải qua một chặn đường dài từ những ngày đen tối sau khi cộng sản nắm quyền vào năm 1975. Nhiều cá nhân và cộng đồng tôn giáo có thể hành đạo hay bày tỏ tín ngưỡng của mình một cách tự do, công khai, mà không sợ hãi. Điểm tốt là Chính phủ Việt Nam đã có một nỗ lực tích cực cải thiện các điều kiện bằng nhiều cách. Chẳng hạn, chính phủ đã tạo ra nhiều không gian hơn cho các tổ chức tôn giáo để thực hiện các việc làm thiện nguyện và tuân thủ các qui trình để có thể cải thiện quan hệ với Vatican. Trong nhiều cộng đồng, các tổ chức tôn giáo và các viên chức địa phương hòa thuận với nhau, các tổ chức tôn giáo ít bị các viên chức địa phương cản trở. Chính phủ cũng đã tham khảo ý kiến một số ít người dân được mời về luật tôn giáo, một động thái chưa bao giờ được nghe dù chỉ cách đây vài năm.

Tuy nhiên, tính phức tạp hay thờ ơ của chính phủ Việt Nam đối với việc xâm phạm rõ ràng tự do tôn giáo ở nhiều nơi trong đất nước thật đáng quan ngại. Ở nhiều vùng, các nhà chức trách địa phương sách nhiễu và phân biệt các tổ chức tôn giáo nào không công nhận chính phủ, và ở nhiều nơi khác, họ đe dọa các tín đồ tôn giáo bằng cách đuổi ra khỏi hay phá hủy những nơi thờ phụng hay các cơ sở tôn giáo — trong một số trường hợp họ đã thực hiện những lời đe dọa này. Những nhân viên thực thi pháp luật tiếp tục giam cầm, bắt giữ, và/hay bỏ tù những người vì họ bênh vực cho tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Mức độ và quy mô những vi phạm này cho thấy rõ là Việt Nam còn lâu mới đến được tôn trọng quyền tự do tôn giáo hay tín ngưỡng phổ quát được định nghĩa trong luật quốc tế và các hiệp ước.

Trong số tất cả các quốc gia chính phủ Hoa Kỳ đã xếp vào danh sách CPC, Việt Nam là quốc gia đặc biệt vì chỉ có nước này được đưa ra khỏi danh sách nhờ hoạt động ngoại giao. Điều này đặt ra một số câu hỏi: Tại sao Việt Nam ban đầu được đưa vào danh sách CPC? Có điều gì khác về sự phân định này khiến Việt Nam được đưa khỏi danh sách nhanh vậy? Nếu có chiến lược thành công trong việc đưa Việt Nam khỏi danh sách, tại sao các quốc gia khác lại không được vậy? Bài viết này nhằm điểm lại lịch sử và tính hiệu quả của việc phân định CPC, cuối cùng lập luận rằng phải nên đưa Việt Nam trở lại danh sách.

Bối cảnh: Phân định CPC

Vào tháng 10 năm 1998 Quốc hội Hoa Kỳ thống nhất thông qua và Tổng Thống Bill Clinton đã ký Đạo luật Tự do Tôn giáo Quốc tế (Công Luật 105-292; IRFA), nhằm ưu tiên tự do tôn giáo trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Ngoài việc thành lập hai tổ chức có trách nhiệm giám sát tự do tôn giáo ở khắp thế giới — Văn phòng Tự do Tôn giáo Quốc tế của Bộ Ngoại Giao và Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế Hoa Kỳ, một đơn vị tham vấn độc lập, lưỡng đảng (USCIRF)— IRFA đã lập ra các phương kế yêu cầu chính quyền Hoa Kỳ có hành động chống lại các quốc gia vi phạm các tiêu chuẩn tự do tôn giáo quốc tế. Đạo luật cung cấp cho chính phủ Hoa Kỳ một danh sách nhiều phương án từ cáo trạng thư ngoại giao đến trừng phạt kinh tế, cùng với các hành động đáp trả lại tầm mức nghiêm trọng của các vụ vi phạm. Những nước vi phạm nặng nhất sẽ được phân định theo từng năm và được công bố là quốc gia CPC do các vụ vi phạm nghiêm trọng, có hệ thống, có tính tiếp diễn về tự do tôn giáo hay tín ngưỡng. Các quốc gia này chịu các phương án nghiêm ngặt hơn trong danh sách, mặc dầu thực hiện hành động có thể được miễn trong một số trường hợp.

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ ràng buộc của mình theo IRFA, USCIRF thường xuyên xem xét các điều kiện tự do tôn giáo ở nước ngoài và có các khuyến nghị về chính sách cho chính phủ Hoa Kỳ. Điều này bao gồm các khuyến nghị thường niên về các quốc gia nào mà USCIRF xác định là thuộc vảo ngưỡng CPC. Thẩm quyền phân định CPC là của Tổng Thống, và Tổng Thống giao quyền này cho Ngoại Trưởng. Theo thời gian, ngày càng có những khác biệt giữa khuyến nghị CPC của USCIRF và phân định của Bộ Ngoại Giao, USCIRF thường khuyến nghị nhiều quốc gia hơn là ngoại trưởng phân định.

Trong 18 năm từ khi IRFA trở thành luật, Bộ Ngoại Giao đã đưa vào danh sách CPC 12 lần: Tháng 10, 1999, tháng 9, 2000, tháng 10, 2001, tháng 3, 2003, tháng 9, 2004, tháng 11, 2005, tháng 11, 2006, tháng giêng 2009, tháng 8, 2011, tháng 7, 2014, tháng 2, 2016, và tháng 10, 2016. Trong trường hợp của Việt Nam, Bộ Ngoại Giao ban đầu đưa vào danh sách CPC vào tháng 9, 2004 và sau đó đưa ra khỏi danh sách vào tháng 11, 2006. Từ năm 2002, cứ mỗi năm USCIRF lại khuyến nghị đưa Việt Nam vào danh sách CPC, cho thấy một trong những khác biệt chính giữa khuyến nghị đưa vào danh sách CPC của USCIRF và Bộ Ngoại Giao.

Đưa Việt Nam vào danh sách CPC

Phúc Trình Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế (IRF Report) đầu tiên của Bộ Ngoại Giao năm 2001 đã ghi nhận mức độ mà các giới chức chính phủ Hoa Kỳ bày tỏ các quan ngại tự do tôn giáo với chính

phủ Việt Nam, gồm có Đối Thoại Nhân Quyền Việt Mỹ. Ở cuộc đối thoại sau đó, vào tháng 11, 2002 các giới chức Hoa Kỳ đã thông báo cho chính phủ Việt Nam là Hoa Kỳ có thể đưa Việt Nam vào danh sách CPC nếu nước này không cải thiện các điều kiện tự do tôn giáo. Sau khi chính phủ Hoa Kỳ không phấn khởi bởi điều mà Bộ Ngoại Giao mô tả là “có ít tiến triển về các vấn đề được thảo luận trong các đối thoại”¹ Hoa Kỳ đã ngưng Cuộc Đối Thoại Nhân Quyền vào năm 2003, và Đại Sứ Luru Động về Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế John Hanford lập lại là Hoa Kỳ có thể đưa Việt Nam vào CPC.

Vào ngày 15 tháng 9, 2004, Đại Sứ Luru Động Hanford thông báo đưa Việt Nam vào danh sách CPC. Khi phát biểu trong cuộc họp báo, ông nêu một số lý do chính yếu: tù nhân tôn giáo, đóng cửa những cơ sở thờ phụng, ép buộc cải đạo, và đánh đập hay giết chết các tín đồ tôn giáo. Ông cũng bày tỏ quan ngại về việc ngược đãi các dân tộc thiểu số và cộng đồng tôn giáo, kể cả các tín đồ Tin Lành và Phật Giáo.

Thảo Thuận Ràng Buộc

Sau khi đưa vào danh sách CPC năm 2004, Hoa Kỳ đã tham gia vào một loạt các cuộc đàm phán với Việt Nam theo Điều 405(c) của IRFA, gồm có:

Tổng thống có thể đàm phán và tiến đến thỏa thuận ràng buộc với một chính phủ nước ngoài, buộc chính phủ đó phải chấp dứt, hoặc thực hiện những bước đi quan trọng để giải quyết và chấm dứt, hành động, chính sách, hay thông lệ dẫn đến vi phạm tự do tôn giáo. Làm cho thỏa thuận ràng buộc có hiệu lực để chấm dứt những vi phạm đó là mục tiêu chính của Tổng Thống trong việc phản hồi lại một chính phủ nước ngoài đã tham gia hay khoan dung các phi phạm tự do tôn giáo trầm trọng.

Vào ngày 5 tháng 5, 2005, cả hai quốc gia đã hợp thức hóa thảo thuận ràng buộc cho phép Việt Nam tránh được các sự trừng phạt hay chịu “một hành động tương xứng khác” bằng việc đưa vào danh sách CPC theo IRFA. Theo IRFA Ngoại Trưởng còn có thể miễn yêu cầu hành động hay định ra các trừng phạt sẵn có là có thỏa đáng không, nhưng vào thời điểm đó Việt Nam không chịu một hình phạt đã có nào. (Tránh các trừng phạt theo IRFA bằng cách áp dụng các trừng phạt đã có còn được biết là trừng phạt “có hai vai trò”.)

Theo thỏa thuận ràng buộc, cả hai nước đã đàm phán một số hoạt động chính phủ Việt Nam sẽ thực hiện để cải thiện các điều kiện tự do tôn giáo để Bộ Ngoại Giao có thể đưa nước này ra khỏi danh sách CPC. Mặc dù thỏa thuận ràng buộc chưa bao giờ được công bố công khai, có một số chi tiết như sau. Theo Bộ Ngoại Giao, *Phúc Trình Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế 2005* về Việt Nam, chính phủ Việt Nam cam kết:

... thực hiện đầy đủ các luật mới về các hoạt động tôn giáo và bãi bỏ các luật lệ trước đây không còn thích hợp; chỉ thị cho các chính quyền địa phương tuân thủ triệt để và đầy đủ chế tài mới và bảo đảm họ phải tuân thủ; xúc tiến thủ tục cho các tổ chức tôn giáo có thể lập ra các nơi thờ phụng, và; chú trọng đặc biệt đến các tù nhân và các trường hợp đáng quan ngại được Hoa Kỳ nêu ra trong khi ân xá tù nhân.

Đổi lại, Hoa Kỳ “tiếp tục xem xét việc đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPC.”² Tuy nhiên, phúc trình sau này nói là các giới chức Hoa Kỳ thông báo là quan hệ song phương sẽ bị tổn hại nếu các điều kiện tự do tôn giáo vẫn còn khiêm tốn, tinh thần này được lập lại trong Phúc Trình IRF 2006.

Đây là sự sử dụng một thỏa thuận ràng buộc được biết duy nhất tuân theo việc đưa vào danh sách CPC của IRFA. Hơn nữa, việc đưa Việt Nam vào danh sách CPC nhanh chóng và việc sử dụng chiến lược của thỏa thuận ràng buộc đã tạo ra các tiến bộ rõ rệt về tự do tôn giáo, cho dù không lâu dài, mà không làm phương hại đến các khía cạnh của qua hệ song phương Việt Mỹ.

Đưa ra khỏi danh sách CPC

Đến năm 2006, Hoa Kỳ đã đồng ý mở lại Đối Thoại Nhân Quyền với Việt Nam.

Vào tháng 11, 2006, Bộ Ngoại Giao đã chính thức đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPC. Lúc này, Đại Sứ Lưu Động Hanford thông báo rằng: “Mặc dầu vẫn phải thực hiện thêm các công việc quan trọng, Việt Nam không còn là một nước được xem là vi phạm nghiêm trọng tự do tôn giáo.... Đã có tiến bộ lớn về mọi khía cạnh đáng được quan tâm....”³

Khi đưa ra khỏi danh sách CPC, USCIRF đồng ý với đánh giá của Bộ Ngoại Giao là đã có những tiến bộ khiêm tốn, phần lớn là do thỏa thuận ràng buộc. Ví dụ, chính phủ Việt Nam đã mở rộng phạm vi hoạt động tôn giáo được cho phép, ban hành các sắc lệnh hành chính và nghị định nhằm nói rõ hơn các quy định đăng ký, thả một số tù nhân tôn giáo, và chính thức bãi bỏ việc ép buộc phải theo tín ngưỡng. Tuy nhiên, USCIRF không đồng ý là việc đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPC bởi vì quá còn quá sớm để xác định liệu là các chính sách mới và các biện pháp bảo vệ pháp lý có lâu dài hay đem lại hiệu quả không. Ngoài ra, USCIRF tin rằng “đưa ra khỏi danh sách CPC có thể làm mất đi phương kế ngoại giao mà đã chứng tỏ là một phương kế hiệu quả và sáng kiến thúc đẩy quan hệ song phương về tự do tôn giáo và các quyền con người liên quan.”⁴

Đã nhiều lần, thông qua điều trần quốc hội, thư gửi cho Chính Phủ, thông cáo báo chí, và phúc trình định kỳ, USCIRF đã bày tỏ quan ngại về việc vi phạm tự do tôn giáo vẫn còn tiếp diễn ở Việt Nam.

Vào năm 2006, ngay trước khi và sau khi Bộ Ngoại Giao đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPC, USCIRF đã chú ý đến các vi phạm tự do tôn giáo sau: các vụ giam cầm và bắt giữ vì các hoạt động tôn giáo; ép buộc tín ngưỡng; những hạn chế trong các quy định mới soạn ra để bảo vệ các quyền tự do nhưng thực tế là hạn chế các quyền đó; và đặc biệt nhắm vào các tín đồ đạo Tin Lành thuộc dân tộc thiểu số, người theo đạo Hòa Hảo, người theo đạo tin lành Mennonite, người theo đạo phật Khmer Krom, và Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất bị nhà nước ngăn cấm. USCIRF cũng trình báo rằng sau khi Việt Nam gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (xem phần sau) chỉ hai tháng sau khi được đưa ra khỏi danh sách CPC, chính phủ nước này “phát động một cuộc trừng phạt những người đấu tranh và bảo vệ cho quyền tự do ngôn luận, hội họp, lập hội, gồm có nhiều chức sắc tôn giáo những người trước đây là những người đứng đầu bệnh vực

cho tự do tôn giáo ở Việt Nam.”⁵ Trong số những người bị bắt là Linh mục Nguyễn Văn Lý, và luật sư Nguyễn Văn Đài, cả hai người này đều đấu tranh bênh vực cho tự do tôn giáo.

Có một sự kiện rất đau lòng là vào mùa xuân 2007, những nhân viên an ninh ở tỉnh Phú Yên đã đánh đập dã man một thanh niên dân tộc thiểu số tên là Y Vin Het sau khi anh không chịu từ bỏ tín ngưỡng của mình. Việc bắt ép tín ngưỡng được bãi bỏ công khai theo Điều Luật 22, chính phủ Việt Nam đã ban hành vào năm 2005 trong thời gian Việt Nam vẫn ở trong danh sách CPC. Theo các phúc trình, Y Vin Het bị nhiều thương tích nội tạng nghiêm trọng do bị đánh đập, nhưng vì không được chăm sóc y tế, nên sau đó anh đã chết do các chấn thương. Đến nay, USCIRF vẫn tiếp tục nhận được các báo cáo về việc nhân viên an ninh sách nhiễu, đánh đập, và gây áp lực—nhiều khi bằng những phương pháp thô bạo—để các tu sĩ và tín đồ từ bỏ đạo của họ.

Việt Nam gia nhập Tổ Chức Thương Mại Thế Giới

Ngoài những tiêu chuẩn trong thỏa thuận ràng buộc, Hoa Kỳ đã ngầm định kết nối Việt Nam tham gia Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) với khả năng nước này cải thiện được các điều kiện tự do tôn giáo. Hoa Kỳ là hai nước thành viên của WTO cuối cùng mà Việt Nam cần phải đàm phán song phương trong quá trình xin vào WTO. Ngoài ra, Hoa Kỳ cần phải ban cho Quy Chế Quan Hệ Thương Mại Bình Thường Vĩnh Viễn (PNTR), điều này cần có sự chấp thuận của quốc hội, để nước đó có thể hưởng lợi tối đa từ quyền thành viên của WTO.

Tự do tôn giáo không những là vấn đề gây tranh cãi duy nhất gây ảnh hưởng đến việc chính phủ Hoa Kỳ xem xét quy chế PNTR và việc Việt Nam gia nhập WTO. Một số nhà sản xuất Hoa Kỳ chống lại việc nhập khẩu các hàng hóa Việt Nam như hàng dệt may và thiết bị máy móc. Các nhóm đấu tranh cho nhân quyền đã bày tỏ các quan ngại về sự cai trị cộng sản hà khắc của Việt Nam. Trong khi đó, cộng đồng khác lại tìm cách mở rộng quan hệ qua việc đào tạo và thay đổi.⁶

Trong lúc này, Hoa Kỳ và Việt Nam có cả những lý do chiến lược và kinh tế để tìm cách duy trì quan hệ song phương. Đối với một số người ở Hoa Kỳ, việc đưa vào danh sách CPC gây phương hại đến các kế hoạch của Chính Phủ, như quy chế PNTR và WTO. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ thông báo đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia CPC chỉ vài ngày trước khi Tổng Thống George W. Bush tham dự Hội Nghị Lãnh Đạo Hợp Tác Kinh Tế Châu Á Thái Bình Dương, ngẫu nhiên được tổ chức ở Hà Nội, Việt Nam. Sau đó vào ngày 29 tháng 11, 2006, Hoa Kỳ ban hành cho Việt Nam quy chế PNTR, mở đường cho Việt Nam gia nhập WTO vào ngày 11 tháng Giêng, 2007.

Lập Trường của USCIRF đối với Việt Nam

Trước khi USCIRF bắt đầu khuyến nghị đưa vào danh sách CPC trong Phúc Trình Thường Niên của mình, Ủy Ban đã gửi thư cho Bộ Ngoại Giao những quốc gia được khuyến nghị đưa vào danh sách CPC hoặc những quốc gia khác cần được chú ý. Chẳng hạn, vào ngày thứ sáu, 28 tháng 7, 2000, USCIRF viết thư cho Ngoại Trưởng Madeleine Albright khuyến nghị Bộ Ngoại Giao giám sát cẩn trọng vấn đề tự do tôn giáo ở Việt Nam (trong số những quốc gia khác), chú ý “quy định dài dòng về các tổ chức tôn giáo của nhà nước” và chức sắc và tín đồ một số tôn giáo đã “bị giam giữ mà không xét xử, bị bỏ tù, bị phạt nặng, bị sách nhiễu, hay chịu sự theo dõi của chính quyền.”⁷

Trước khi Tổng Thống Bill Clinton đến Việt Nam vào tháng 10 năm 2000, USCIRF đã thư hỏi thúc tổng thống nếu với chính phủ Việt Nam "nhu cầu bảo vệ chứ không phải là xâm phạm tự do tôn giáo và an toàn cho những tín đồ tôn giáo ở đó."⁸

Vào ngày 13 tháng 2, 2001, USCIRF đã tổ chức một cuộc điều trần xem xét các vi phạm tự do tôn giáo và chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Vào tháng 3 năm 2001, USCIRF gửi thư cho Ngoại Trưởng Colin L. Powell và Bộ Trưởng Bộ Ngân Khố Paul H. O'Neill hỏi thúc họ nêu vấn đề bảo vệ tự do tôn giáo ở phiên họp lần thứ 57 của Ủy Ban Liên Hiệp Quốc về Nhân Quyền và rút lại việc Hoa Kỳ hậu thuẫn Quỹ Tiền Tệ Thế Giới và Ngân Hàng thế giới cho Việt Nam vay vì những vi phạm nhân quyền tự do tôn giáo của chính phủ.

Vào ngày 16 tháng 8, 2001, USCIRF viết thư cho Ngoại Trưởng Powell đề nghị giám sát cẩn trọng vấn đề tự do tôn giáo ở Việt Nam (trong số các nước khác). Vào ngày 12 tháng 9, 2001, USCIRF đã ra thông cáo báo chí kêu gọi chính quyền Bush và Quốc Hội trì hoãn phê chuẩn Thỏa Thuận Mậu Dịch với Việt Nam cho đến khi các điều kiện tôn giáo được cải thiện. Ngày 29 tháng 10, 2001, USCIRF ra thông cáo báo chí lên án Việt Nam đã kết án 15 năm Linh Mục Lý sau khi bắt giữ ông.

Trong tháng 2, 2002, Trưởng Phái Đoàn Firuz Kazemzadeh và nhân viên của USCIRF đến Việt Nam, họ gặp các giới chức chính phủ Việt Nam và đại diện của các tổ chức tôn giáo. Trong phúc trình được công bố vào tháng 5, 2002, USCIRF viết "các chính phủ Ấn Độ, Pakistan, Uzbekistan, và Việt Nam đã tham gia hay khoan dung các vi phạm nghiêm trọng tự do tôn giáo." Phúc trình cũng nói rằng USCIRF "đang xem xét một cách nghiêm túc là các quốc gia này hay còn thêm các quốc gia khác có hội đủ các tiêu chí quy định để đưa vào danh sách CPC hay không."⁹ Vào tháng 7 năm 2002, USCIRF gửi thư cho Ngoại Trưởng Powell đề nghị một số chính sách đối với Việt Nam và hỏi thúc ông nêu các vấn đề tôn giáo với chính phủ Việt Nam. Vào tháng 9 năm 2002, USCIRF viết thư cho Ngoại Trưởng Powell yêu cầu đưa 12 quốc gia trong đó có Việt Nam vào danh sách CPC.

Vào năm 2003, USCIRF điều trần trước Quốc Hội, ra các thông cáo báo chí, tổ chức một cuộc họp báo về chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Vào năm 2004, năm Việt Nam bị đưa vào danh sách CPC, USCIRF đã điều trần trước Quốc Hội và đưa Việt Nam, thông qua thông cáo báo chí, vào danh sách CPC. Vào năm 2005, USCIRF điều trần trước Quốc Hội và ra nhiều thông cáo báo chí, gồm có việc kêu gọi Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ công bố các chi tiết của thỏa thuận ràng buộc ngày 5 tháng 5, 2005. Trong năm 2006, USCIRF điều trần trước Quốc Hội, ngay sau khi đã đưa ra khỏi danh sách để bày tỏ quan ngại việc này đến quá sớm. Cùng năm đó, USCIRF cũng đã gửi thư cho Ngoại Trưởng Condoleezza Rice đề nghị Bộ Ngoại Giao vẫn để Việt Nam trong danh sách CPC và ra các thông cáo báo chí cùng với thông điệp này.

Từ khi Việt Nam được đưa ra khỏi danh sách CPC, USCIRF đã công khai giữ vững lập trường của mình là các điều kiện tôn giáo ở quốc gia này xứng đáng để được đưa trở lại danh sách CPC. Trong 10 năm kể từ khi đó, USCIRF đã liên tục đòi đưa vào danh sách CPC trong các phúc trình

thường niên của Ủy Ban, cũng như điều trần trước Quốc Hội, qua các thư tín với chính phủ, các bài phát biểu, thông cáo báo chí và các bài bình luận độc lập.

Kết Luận

Đưa vào danh sách CPC không phải là thước đo cho các điều kiện tự do tôn giáo xét trong một thời gian dài. Tuy nhiên, nó phản ánh tầm nhìn trong một năm để cho phép chính phủ Hoa Kỳ đánh giá các điều kiện theo từng năm và theo đó có thể phản hồi lại. Mặc dầu việc đưa vào danh sách có thể xét đến các yếu tố lâu dài, USCIRF và Bộ Ngoại Giao giám sát, phân tích, và báo cáo các điều kiện hàng năm để bảo đảm là các hành động của chính phủ Hoa Kỳ là có tính phản hồi, kịp thời, và phù hợp với những thông tin cập nhật nhất. Vì vậy, có thể có nghịch lý sau: Chắc chắn là Việt Nam đã cải thiện những điều kiện tự do tôn giáo trong 40 năm từ khi cộng sản nắm quyền, ngay cả trong 10 năm từ khi được đưa khỏi danh sách CPC, nhưng các vi phạm tự do tôn giáo vẫn diễn ra khiến nước này hội đủ các tiêu chuẩn CPC của IRFA.

Nhiều người trong và ngoài nước Việt Nam đang lo lắng muốn biết xem Luật Tôn Giáo và Tín Ngưỡng được thực hiện ra làm sao. Liệu các giới chức chính phủ có tuân thủ luật này không, và liệu Hà Nội có trách nhiệm với những người nào không tuân thủ? Liệu các tổ chức tôn giáo không đăng ký có thể thực hiện hoạt động tín ngưỡng của mình công khai hay riêng tư, mà không bị can thiệp, và không sợ hãi? Liệu luật này có thể chấm dứt bạo lực rộng rãi, như sách nhiễu, đe dọa, đánh đập, phá hoại bất động sản, hay các hình thức phá hoại khác.

Trong khi ảnh hưởng của luật pháp có thể không được tiếp nhận một lúc nào đó, lúc này những tín đồ nhiều tôn giáo có thể bị hại. Luật này có thể đem lại những thay đổi tích cực dù ít hay nhiều, nhưng cũng có khả năng làm cho những chính sách và cách làm gây tác hại hiện nay vẫn tồn tại. Lịch sử đã cho thấy, bằng cách đưa Việt Nam ra khỏi danh sách CPC quá sớm, hứa hẹn về thay đổi và khả năng tạo ra các tiến bộ về tự do lâu dài là hai điều rất khác nhau.

Nhanh chóng đưa Việt Nam vào danh sách CPC cho thấy CPC đi đôi với thỏa thuận ràng buộc có hiệu quả trong việc thúc đẩy quá trình hợp tác giữa Hoa Kỳ và Việt Nam, dù không cùng cố được những cải thiện tự do tôn giáo lâu dài. Quan hệ song phương đã và sẽ còn quan trọng cho cả hai bên, và việc sử dụng thỏa thuận ràng buộc chiến lược—điều này có thể có được bằng việc đưa vào danh sách CPC—đem lại cho cả đôi bên những điều mà họ cần. Hoa Kỳ đã lập nên một chiến thắng ngoại giao bằng cách trực tiếp giúp tay để các chính sách của Việt Nam trở nên phù hợp hơn với các tiêu chuẩn quốc tế, trong khi Việt Nam đàm phán các tiêu chuẩn thích hợp để giành được quan hệ mật thiết với Hoa Kỳ, đồng thời gia nhập được WTO và tránh được bất lợi của các hành động trừng phạt.

Mỗi nước đều muốn nước kia là đồng minh: đây là sự thật ngày nay cũng như cách đây một thập kỷ. Quan trọng là Việt Nam sẵn lòng đến bàn đàm phán khi Hoa Kỳ khuyến khích các cải thiện tự do tôn giáo. Tuy nhiên, quá trình phân định CPC, dỡ bỏ nó, và việc tiếp tục trừng phạt các cá nhân và cộng đồng tôn giáo trong thập kỷ qua từ đó cho thấy là cần có sự tham gia lâu dài của Hoa Kỳ để bảo đảm là tự do tôn giáo của Việt Nam là có ảnh hưởng sâu rộng và bền vững.

-
- ¹ Xem *Phúc trình Tự do Tôn giáo 2004 của Bộ Ngoại Giao* về Việt Nam: <http://www.state.gov/j/drl/rls/irf/2004/35433.htm>, truy cập ngày 21, 10 2016.
- ² Xem *Phúc trình Tự do Tôn giáo 2005 của Bộ Ngoại Giao* về Việt Nam: <http://www.state.gov/j/drl/rls/irf/2004/35433.htm>, truy cập ngày 21, 10 2016
- ³ Xem Báo Cáo Sơ Lược Đặc Biệt của Bộ Ngoại Giao (transcript) ngày 13 tháng 11, 2006: <https://2001-2009.state.gov/r/pa/prs/ps/2006/75927.htm>, truy cập ngày 21, 10 2016
- ⁴ Xem *Chương Báo Cáo Thường Niên của USCIRF về Việt Nam 2007*: http://www.uscirtf.gov/sites/default/files/resources/AR_2007/vietnam.pdf, truy cập ngày 21, 10 2016.
- ⁵ *Ibid.*
- ⁶ Xem Báo cáo Nghiên cứu của Quốc hội *Quy chế PNTR Status và Tiếp cận WTO Accession của Việt Nam: Những Vấn đề và Hàm ý cho Hoa Kỳ*, ngày 2 tháng 8, 2006
- ⁷ Xem Thông cáo Báo chí USCIRF ngày 31 tháng 7, 2000: <http://www.uscirtf.gov/news-room/press-releases/uscirtf-urges-laos-n-korea-saudi-arabia-turkmenistan-countries-particular>, truy cập ngày 21, 10 2016
- ⁸ Xem Thông cáo Báo chí USCIRF ngày 5 tháng 10, 2000: <http://www.uscirtf.gov/news-room/press-releases/commission-asks-pres-clinton-raise-religious-freedom-issues-during-trip-0>, truy cập ngày 21, 10 2016.
- ⁹ Xem *Phúc trình Thường niên 2002 của USCIRF*: http://www.uscirtf.gov/sites/default/files/resources/stories/pdf/Annual_Report/2002report.pdf, truy cập ngày 21, 10 2016.



**UNITED STATES COMMISSION ON
INTERNATIONAL RELIGIOUS FREEDOM**

732 North Capitol Street, N.W., Suite A714
Washington, D.C. 20401

www.uscirtf.gov

Telephone: (202) 523-3240, Fax: (202) 523-5020
email: media@uscirtf.gov